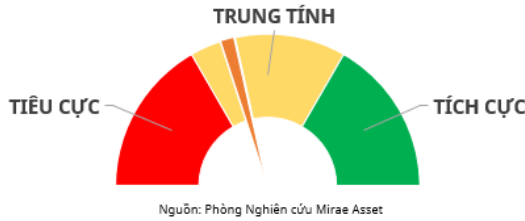


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

06 Tháng 10, 2022



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,074.52	-2.7	-15.9	-21.2
HNX	235.13	-2.9	-19.8	-36.2
UPCOM	82.41	-1.6	-10.1	-15.4
MSCI EM	909.52	1.8	-5.8	-25.9
NIKKEI	27,311.30	0.7	-1.1	-0.8
HANG SENG	18,027.43	-0.3	-6.1	-24.8
KOSPI	2,237.86	1.0	-7.1	-23.1
FTSE	7,054.11	0.0	-3.4	0.8
S&P 500	3,783.28	-0.2	-3.2	-13.3
NASDAQ	11,148.64	-0.2	-3.4	-23.1

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	11.6	1.8	15.4
Indonesia	15.7	2.1	13.9
Philippines	15.3	1.5	10.1
Malaysia	15.8	1.4	8.8
Thái Lan	16.2	1.6	9.6

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tài cấp vốn	5.0	0	100	100
TPCP 5 năm	4.7	-1	156	377
TPCP 10 năm	4.9	-1	124	274

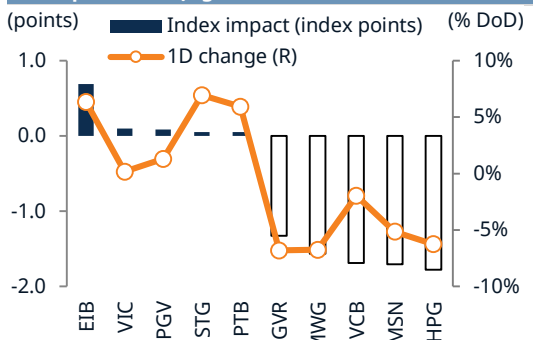
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,880	0.0	-1.5	-4.7
US\$/KRW	1,402.7	0.6	-2.2	-15.0
US\$/JPY	144.6	0.0	-1.3	-23.0
US\$/EUR	1.0	-0.2	0.0	16.7
US\$/GBP	0.9	0.1	1.8	20.0
US\$/SGD	1.4	0.2	-1.2	-4.6

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	51.9	42.4	9.4
HNX	0.3	0.5	-0.1
UPCOM	0.3	1.5	-1.2

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

VN-Index đóng cửa với mức giá thấp mới

Trái ngược với diễn biến tăng điểm ở phiên trước, lực cung mạnh lần nữa quay lại và tạo áp lực giảm điểm lên thị trường chung trong phiên hôm nay. VN-Index đóng cửa ở vùng giá mới thấp nhất trong năm nay với mức giảm gần 30 điểm tương ứng với 2,7% và dừng chân tại mốc 1,074 điểm. Thanh khoản khớp lệnh tăng 25% so với phiên trước đạt 500 triệu đơn vị và tương ứng giá trị hơn 9,799 tỷ đồng.

Nhiều nhóm cổ phiếu bị bán mạnh trong phiên hôm nay trong đó nhóm chứng khoán có nhiều mã giảm kịch sàn như APS, BSI, CTS, HCM, VCI, VIX và VND. Cùng với diễn biến đó có nhóm Thép với HSG và NKG cũng giảm hết biên độ. Nhóm cổ phiếu xây dựng và bất động sản cũng bị bán mạnh với nhiều mã đóng cửa giảm sàn như TCH, NLG, HDG, LCG, VCG, DXG...

Khối ngoại quay trở lại bán ròng với tổng giá trị đạt hơn 126 tỷ trên cả HNX và HSX. Đứng đầu ở chiều bán ròng có HPG với tổng giá trị đạt hơn 199 tỷ và vị trí thứ 2 là NVL với 38 tỷ đồng. Còn ở chiều ngược lại, DPM được mua ròng mạnh nhất với hơn 37,7 tỷ đồng.

Bị bán mạnh đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index bị giảm mạnh từ mức -2 điểm TRUNG TÍNH về mức đánh giá thấp nhất -7 điểm TIÊU CỰC, Hệ số P/E của VN-Index đang ở mức 11,6x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

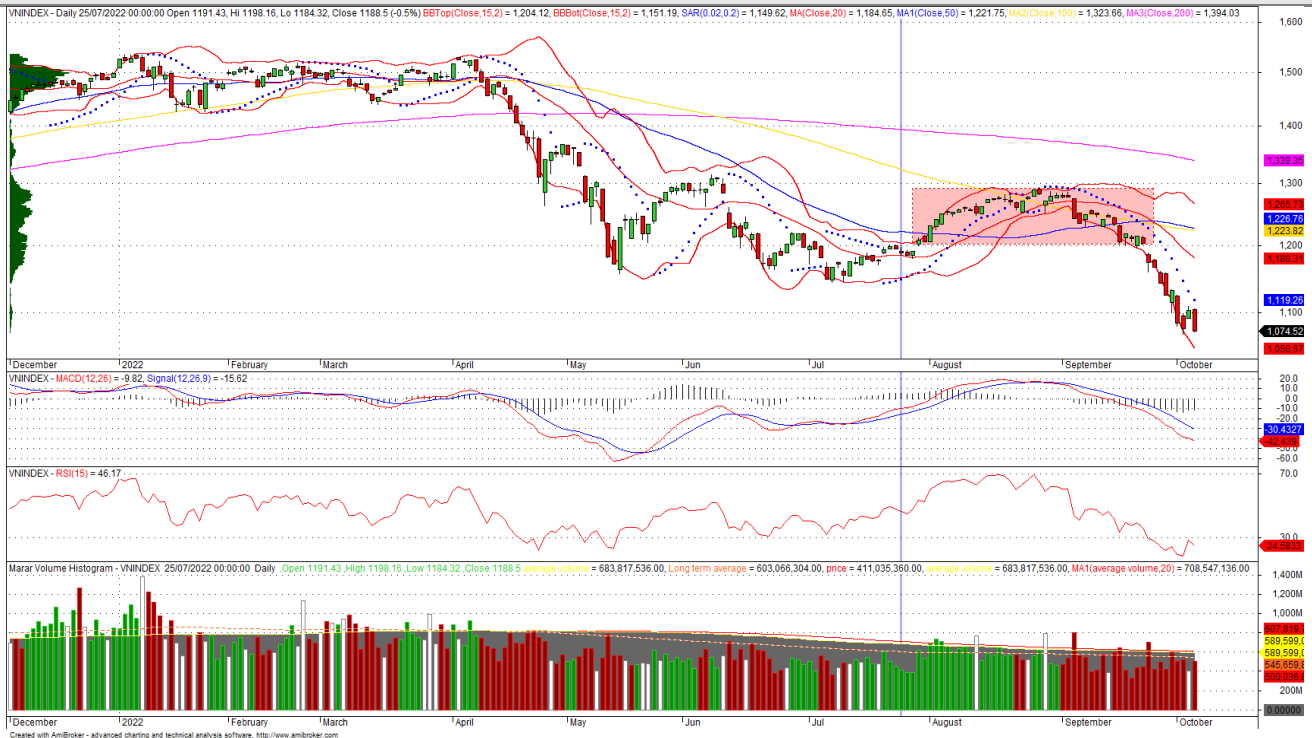
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (06/10/2022)	Kháng cự 1	1.100
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.120
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.094
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.050

VN-Index đóng cửa ở vùng giá thấp nhất năm kèm theo đó là khối lượng tăng mạnh.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Investing.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/10/2022)	1.080	Kháng cự 1 1.100
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.120
VN30 - đóng cửa	1.117	Hỗ trợ 1 1.080
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,18	Hỗ trợ 2 1.050

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M đóng cửa quanh ngưỡng hỗ trợ, khối lượng ở quanh mức cao nhất trong 2 tháng trở lại đây.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fireant

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
NBB	20.5	1,469,230	5	KHẢ QUAN	2,053	14.1	1.1	30
PDR	50.8	1,761,970	4	KHẢ QUAN	34,120	16.3	4.4	90
VJC	114.2	496,075	4	KHẢ QUAN	61,852	648.2	3.6	57
GMD	49	881,100	4	KHẢ QUAN	14,768	18.1	2.2	43
GTT	800	936,325	3	TRUNG TÍNH	35	#N/A N/A	#N/A N/A	749
HLA	800	365,805	3	TRUNG TÍNH	28	#N/A N/A	#N/A N/A	293
EIB	36.95	1,353,355	3	TRUNG TÍNH	45,428	22.3	2.4	50
BSR	20	6,447,640	2	TRUNG TÍNH	62,010	9.5	1.7	129
HDC	40.95	1,903,665	2	TRUNG TÍNH	4,426	13.4	2.8	78
KDC	64.3	1,007,380	2	TRUNG TÍNH	16,179	28.4	2.4	65
SAB	185.8	141,190	2	TRUNG TÍNH	119,150	26.5	5.2	26
PVS	22.2	7,867,655	0	TRUNG TÍNH	10,611	20.1	0.9	175
VHM	53.6	2,432,570	0	TRUNG TÍNH	233,394	8.3	1.9	130
KDH	26.25	2,564,580	0	TRUNG TÍNH	18,817	15.0	1.7	67
VIC	60.1	1,058,605	0	TRUNG TÍNH	229,218	#N/A N/A	2.1	64
VGC	50	1,131,925	0	TRUNG TÍNH	22,418	11.5	2.9	57
TDC	19.55	1,385,680	0	TRUNG TÍNH	1,955	23.1	1.6	27
TCM	42.4	582,720	0	TRUNG TÍNH	3,475	27.4	1.9	25
DIG	27.3	7,872,595	-2	TRUNG TÍNH	16,649	15.4	2.2	215
PVD	19.6	10,844,835	-2	TRUNG TÍNH	10,895	#N/A N/A	0.8	213
IDC	46.3	4,463,670	-2	TRUNG TÍNH	15,279	8.8	2.8	207
CII	18.45	6,413,205	-2	TRUNG TÍNH	4,653	12.8	0.8	118
HAH	40.3	2,280,625	-2	TRUNG TÍNH	2,752	4.4	1.4	92
CTG	21.4	3,092,800	-2	TRUNG TÍNH	102,843	7.0	1.0	66
REE	74.1	630,165	-2	TRUNG TÍNH	26,335	11.2	1.8	47
HTP	48.5	776,600	-2	TRUNG TÍNH	4,453	2,249.6	4.6	38
PLX	32.2	1,072,440	-2	TRUNG TÍNH	40,913	44.6	1.8	35
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	2,535	#N/A N/A	0.3	31
TPB	24	1,221,035	-2	TRUNG TÍNH	37,962	6.8	1.3	29
FPT	76.5	1,264,380	-3	TRUNG TÍNH	83,923	17.0	4.3	97
VIB	20.75	1,850,825	-3	TRUNG TÍNH	43,734	6.1	1.5	38
DPM	42.7	3,191,275	-4	TIÊU CỰC	16,710	2.9	1.3	136
DGW	58.6	1,218,950	-4	TIÊU CỰC	9,556	13.0	4.6	71
BVH	48.9	1,398,705	-4	TIÊU CỰC	36,300	20.3	1.7	68

CEO	18	3,608,660	-4	TIÊU CỰC	4,632	18.6	1.5	65
VPI	59.7	1,017,665	-4	TIÊU CỰC	14,447	24.6	4.4	61
PNJ	102.8	507,060	-4	TIÊU CỰC	25,289	17.2	3.1	52
IDI	13	3,988,890	-4	TIÊU CỰC	2,959	5.7	0.9	52
HUT	21.5	2,190,570	-4	TIÊU CỰC	7,496	28.6	1.9	47
GAS	106.9	404,525	-4	TIÊU CỰC	204,601	16.0	3.4	43
VRE	26.5	1,400,745	-4	TIÊU CỰC	60,216	46.4	1.9	37
PVC	16.7	1,963,850	-4	TIÊU CỰC	835	214.3	1.2	33
TLG	52.1	617,690	-4	TIÊU CỰC	4,053	11.2	2.1	32
CTD	50.9	631,255	-4	TIÊU CỰC	3,759	#N/A N/A	0.5	32
PET	29.9	933,860	-4	TIÊU CỰC	2,686	10.6	1.4	28
SSI	17.4	16,475,860	-5	TIÊU CỰC	25,911	6.5	1.3	287
VND	15.3	16,852,620	-5	TIÊU CỰC	18,633	3.8	1.3	258
VPB	16.5	13,239,930	-5	TIÊU CỰC	110,768	6.6	1.2	218
MWG	58	3,532,470	-5	TIÊU CỰC	84,886	16.9	3.8	205
STB	18	10,723,460	-5	TIÊU CỰC	33,934	9.5	0.9	193
POW	11.4	13,966,810	-5	TIÊU CỰC	26,697	16.9	0.9	159
KBC	25.15	4,996,010	-5	TIÊU CỰC	19,305	77.5	1.3	126
TCB	29.3	3,232,860	-5	TIÊU CỰC	103,055	5.1	1.0	95
DBC	19.5	4,553,065	-5	TIÊU CỰC	4,719	17.3	1.0	89
NLG	26.65	3,184,630	-5	TIÊU CỰC	10,205	13.6	1.2	85
VCB	70.1	921,015	-5	TIÊU CỰC	331,749	13.3	2.7	65
TCH	10.25	5,293,810	-5	TIÊU CỰC	6,849	15.2	0.8	54
HHV	11.95	3,835,630	-5	TIÊU CỰC	3,195	11.2	0.5	46
LCG	8.75	5,194,840	-5	TIÊU CỰC	1,659	8.8	0.7	45
PHR	49.9	581,745	-5	TIÊU CỰC	6,761	10.2	2.1	29
KSB	21.5	1,347,280	-5	TIÊU CỰC	1,640	8.4	0.9	29
DCM	30.1	5,995,840	-6	TIÊU CỰC	15,935	4.3	1.6	180
FRT	67	1,726,720	-6	TIÊU CỰC	7,938	13.4	4.3	116
NT2	26.5	2,276,920	-6	TIÊU CỰC	7,629	8.5	1.7	60
PC1	30.3	1,817,560	-6	TIÊU CỰC	7,125	14.6	1.5	55
PVT	18	2,261,985	-6	TIÊU CỰC	5,826	9.1	1.1	41
BID	31	1,090,680	-6	TIÊU CỰC	156,814	12.1	1.7	34
HPG	18	20,989,156	-7	TIÊU CỰC	104,666	3.8	1.0	378
HAG	11.55	26,466,396	-7	TIÊU CỰC	10,711	15.0	2.4	306
DGC	71.6	3,536,230	-7	TIÊU CỰC	27,192	5.8	2.9	253
NVL	80.2	2,983,315	-7	TIÊU CỰC	156,377	48.6	4.2	239
DXG	17.55	10,308,170	-7	TIÊU CỰC	10,706	14.4	1.1	181
NKG	16.2	10,855,005	-7	TIÊU CỰC	4,265	2.3	0.7	176
VCG	17.85	8,970,035	-7	TIÊU CỰC	8,673	9.3	1.3	160
HCM	20.75	6,754,145	-7	TIÊU CỰC	9,487	8.2	1.2	140
VCI	25.45	5,472,505	-7	TIÊU CỰC	11,083	7.3	1.6	139
VNM	70	1,807,235	-7	TIÊU CỰC	146,297	17.3	4.3	127
GEX	16.4	7,366,445	-7	TIÊU CỰC	13,965	19.3	1.1	121
HSG	12.65	8,958,700	-7	TIÊU CỰC	7,565	3.6	0.6	113
MBB	18.1	6,016,845	-7	TIÊU CỰC	82,065	5.2	1.2	109
SHB	11	7,196,475	-7	TIÊU CỰC	29,336	4.1	0.7	79
ASM	14.2	5,271,515	-7	TIÊU CỰC	4,779	5.8	0.9	75

SHS	8.7	8,062,105	-7	TIÊU CỰC	7,074	7.0	0.8	70
HDG	35.1	1,901,115	-7	TIÊU CỰC	8,586	6.1	1.8	67
PAN	19.9	3,334,615	-7	TIÊU CỰC	4,157	10.7	1.0	66
VIX	8.57	7,355,115	-7	TIÊU CỰC	4,989	5.1	0.6	63
HBC	14.2	3,759,185	-7	TIÊU CỰC	3,732	36.7	1.0	53
MSN	86.7	609,510	-7	TIÊU CỰC	123,437	12.1	4.2	53
VHC	71.7	712,680	-7	TIÊU CỰC	13,148	6.4	1.8	51
BCG	10.65	4,786,280	-7	TIÊU CỰC	5,681	6.1	0.8	51
ACB	20	2,489,270	-7	TIÊU CỰC	67,549	5.7	1.3	50
FCN	11.95	3,883,315	-7	TIÊU CỰC	1,881	61.1	0.7	46
ANV	34.1	1,092,110	-7	TIÊU CỰC	4,335	8.9	1.6	37
LPB	11.2	3,040,840	-7	TIÊU CỰC	16,840	3.5	0.7	34
DPG	31.9	1,051,580	-7	TIÊU CỰC	2,010	5.3	1.3	34
HNG	5.2	6,038,435	-7	TIÊU CỰC	5,764	#N/A N/A	2.0	31
IJC	14.5	2,015,745	-7	TIÊU CỰC	3,148	6.5	0.9	29
GVR	17.8	1,619,285	-7	TIÊU CỰC	71,200	15.3	1.4	29
DRC	26.25	945,305	-7	TIÊU CỰC	3,118	11.5	1.8	25
HDB	18.15	1,351,470	-7	TIÊU CỰC	45,652	6.5	1.4	25

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Nợ công của Mỹ vượt kỷ lục lên 31.000 tỷ USD

Nhằm kiềm chế lạm phát tăng vọt, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định tăng mạnh lãi suất. Trong khi đó, dù các nhà hoạch định chính sách tin rằng Mỹ hoàn toàn có thể trả được nợ công - vốn được huy động để chống lại tác động của dịch bệnh và hỗ trợ nền kinh tế nhưng lãi suất cao khiến chúng trở nên đắt đỏ hơn. Michael A. Peterson, giám đốc điều hành của Peter G. Peterson, cho biết: “Những quan ngại với nợ của Mỹ ngày càng tăng trong bối cảnh họ vừa phải tiếp tục tăng nợ, vừa phải tăng lãi suất. Quá nhiều người đã tự mãn vì nợ công của nước Mỹ khi lãi suất thấp kéo dài”. Theo ước tính của Quỹ Peterson, lãi suất cao hơn có thể khiến người Mỹ phải trả thêm 1 nghìn tỷ USD cho các khoản lãi trong thập kỷ này. Con số này sẽ khiến khoản tiền mà Quốc hội Mỹ dự kiến dùng để trả nợ vọt lên so với 8.100 tỷ USD mà họ dự toán. Thậm chí, số tiền trả lãi có thể vượt qua ngân sách quốc phòng vào năm 2029 nếu mức lãi suất chỉ cao hơn 1 điểm phần trăm so với mức mà Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ ước tính. Kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, FED đã giảm lãi suất về mức gần 0. Trong những tháng gần đây, cơ quan này bắt đầu nâng lãi suất để cố gắng kiềm chế lạm phát kỷ lục của 40 năm. Lãi suất hiện tại đang trong phạm vi từ 3 đến 3,25% và chính FED cũng dự báo rằng lãi suất có thể tăng lên 4,6% vào cuối năm tới, cao hơn so với 3,8% mà họ đưa ra trước đó. Hồi đầu năm, Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ cũng đã cảnh báo về gánh nặng nợ công đang ngày càng gia tăng của Mỹ, thậm chí có thể khiến các nhà đầu tư mất niềm tin vào khả năng trả nợ của Chính phủ. Những lo lắng này có thể khiến “lãi suất tăng đột ngột và lạm phát tiếp tục leo thang”. Việc tăng lãi suất cũng khiến những tính toán của Chính phủ Mỹ chệch hướng. Cả Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ và Nhà Trắng đều dự đoán nợ công của Mỹ, được tính như một phần của quy mô nền kinh tế, sẽ giảm nhẹ trong năm tài khóa tới trước khi tăng trở lại vào năm 2024. Họ tin rằng nền kinh tế sẽ tăng trưởng nhanh hơn so với nợ.

Đề xuất giá điện sinh hoạt mới, cao nhất hơn 3.300 đồng/kWh

Tại đề án này, với biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt, đề án phân tích các phương án cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện gồm 1 bậc (giá sinh hoạt động giá), 3 bậc, 4 bậc và 5 bậc. Theo phân tích của đơn vị tư vấn tại đề án, phương án đồng giá (1 bậc) không áp dụng được trên thực tế nhìn vào các mục tiêu định giá, chính sách xã hội, phản ánh chi phí cung ứng, sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả. Các phương án điều chỉnh cơ cấu biểu giá điện cho mục đích sinh hoạt (3, 4, 5 bậc) đều có các hộ sử dụng điện thấp hoặc trung bình dưới 300 kWh tăng giá điện (số lượng các hộ này chiếm trên 85% tổng số hộ sử dụng điện sinh hoạt). Các hộ sử dụng điện từ 300 kWh đến dưới 1.000 kWh được giảm giá điện; các hộ dùng điện trên 1.000 kWh tăng giá điện. Như vậy, cả 3 phương án điều chỉnh sẽ có tác động tăng giá ở các mức độ khác nhau cho hơn 85% tổng số hộ sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt. Sau khi phân tích ưu nhược của các phương án biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt, đơn vị tư vấn đề xuất áp dụng phương án 5 bậc.

Xuất khẩu Việt Nam cao hơn Malaysia, Thái Lan, Indonesia

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tính chung trong 8 tháng đầu năm 2022, tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng hoá của cả nước đạt 499,71 tỷ USD, tăng 15,9% (tương ứng tăng 68,69 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 252,60 tỷ USD, tăng 18,2% (tương ứng tăng 38,85 tỷ USD) và kim ngạch nhập khẩu đạt 247,11 tỷ USD, tăng 13,7% (tương ứng tăng 29,84 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2021. Theo đó, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam xuất siêu 5,49 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022. Theo Cục Hải quan Malaysia, tổng giá trị xuất, nhập khẩu của Malaysia đạt khoảng 401,37 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 215,94 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 185,38 tỷ USD. Theo đó, Malaysia xuất siêu 30,56 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022. Theo Bộ Thương mại Thái Lan, về tổng quan 8 tháng đầu năm năm 2022, giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của Thái Lan đạt 407,03 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 196,45 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ và kim ngạch nhập khẩu đạt 210,58 tỷ USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Thái Lan nhập siêu 14,13 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022. Về tình hình xuất, nhập khẩu 8 tháng đầu năm của Indonesia, theo Cục Thống kê Indonesia, giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của Indonesia đạt khoảng 383,44 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 194,6 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 188,84 tỷ USD. Theo đó, Indonesia xuất siêu 5,76 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022.

Tín dụng được kỳ vọng tăng 14,9% năm 2022

Vụ Dự báo, thống kê Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các tổ chức tín dụng (TCTD) quý IV. Cuộc điều tra được tiến hành từ ngày 25/8 đến ngày 10/9, kết thúc hai tuần trước thời điểm NHNN điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành vào ngày 23/9. Đối tượng là toàn bộ các TCTD và chi nhánh NHNN tại Việt Nam, tỷ lệ trả lời đạt 96%. Tại kỳ điều tra này, 31,6% TCTD cho biết đã điều chỉnh “tăng nhẹ” lãi suất biên trong khi tiếp tục “giữ ổn định” phí dịch vụ trong quý III. Trước thời điểm NHNN điều chỉnh tăng 100 điểm cơ bản các mức lãi suất điều hành (ngày 23/9), mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay tiếp tục được các ngân hàng kỳ vọng xu hướng tăng trong quý IV và cả năm 2022. Trong đó, 59-61% TCTD kỳ vọng lãi suất tăng bình quân 0,37 điểm phần trăm trong quý IV (chỉ có 7-9% TCTD kỳ vọng lãi suất giảm nhẹ) và 66-69% đơn vị tham gia điều tra kỳ vọng lãi suất tăng bình quân 0,56-0,57 điểm phần trăm trong năm 2022 (có 8-10% TCTD kỳ vọng lãi suất giảm). Trên cơ sở đó, các ngân hàng dự báo cả lãi suất biên và phí dịch vụ đều có xu hướng tăng trong quý IV và cả năm 2022. Huy động vốn toàn hệ thống TCTD được kỳ vọng tăng bình quân 4,3% trong quý IV và tăng 10,2% trong năm 2022, điều chỉnh giảm 1,3 điểm phần trăm so với mức kỳ vọng tại kỳ điều tra trước. Dư nợ tín dụng toàn hệ thống TCTD được kỳ vọng tăng bình quân 4% trong quý IV và tăng 15% trong năm 2022, xấp xỉ mức kỳ vọng ghi nhận tại kỳ điều tra trước (15%).

ACG: giao dịch trên HoSE từ 10/10, chốt quyền tạm ứng cổ tức tỷ lệ 11%

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo ngày 10/10 là ngày giao dịch đầu tiên 135,8 triệu cổ phiếu [ACG](#) của Công ty Gỗ An Cường. Giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên 67.300 đồng/cp, biên độ dao động giá +/- 20%. Cổ phiếu ACG dừng giao dịch trên UPCoM từ ngày 28/9 với giá chốt phiên 27/9 là 68.900 đồng/cp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp công bố Nghị quyết HĐQT triển khai tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 11%, 1 cổ phiếu được nhận 1.100 đồng. Ngày 17/10 là ngày đăng ký cuối cùng và ngày 4/11 tiến hành thanh toán. Năm 2021, công ty gỗ đã trả cổ tức tiền mặt 5% và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 50%. Cổ tức năm nay tối thiểu 20% bằng tiền mặt. Chỉ tiêu này dựa trên kế hoạch kinh doanh gồm doanh thu tăng 29% đạt 4.242 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 22% đạt 550 tỷ đồng. Nửa đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận 1.915 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 12%; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 279 tỷ đồng, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước. Gỗ An Cường thực hiện được 45% mục tiêu doanh thu và 51% mục tiêu lợi nhuận năm. Ban lãnh đạo lý giải dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt, công ty có thể thúc đẩy mạnh hoạt động bán hàng để tăng doanh thu. Ngoài ra, lợi nhuận hoạt động tài chính tăng do lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư.

FIR: sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% trong tháng 10 hoặc tháng 11

Nghị quyết HĐQT Địa ốc First Real (HoSE: FIR) vừa thông qua việc phát hành 8,9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức niên độ trước theo tỷ lệ 20%, tức mỗi cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu sẽ nhận về thêm 1 cổ phiếu mới. Nguồn vốn thực hiện từ nguồn lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng đến ngày 30/9/2021 là 134,8 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến là tháng 10 hoặc tháng 11 năm nay. Vốn điều lệ công ty sẽ tăng từ 446,1 tỷ đồng lên lên 535,3 tỷ đồng. Đơn vị này vẫn thường xuyên chia cổ tức bằng cổ phiếu kể từ khi niêm yết trên HoSE vào năm 2018. Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/10, cổ phiếu FIR có giá 46.800 đồng/cp, tăng 70% so với đầu năm. Từ đầu tháng 9 đến nay, thị giá cổ phiếu này đã đi ngược với xu hướng giảm của thị trường khi tăng 8,8%. Tuy nhiên, mã FIR hiện đang bị HoSE cắt margin vì chưa đủ thời gian 6 tháng đưa vào danh sách không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ.

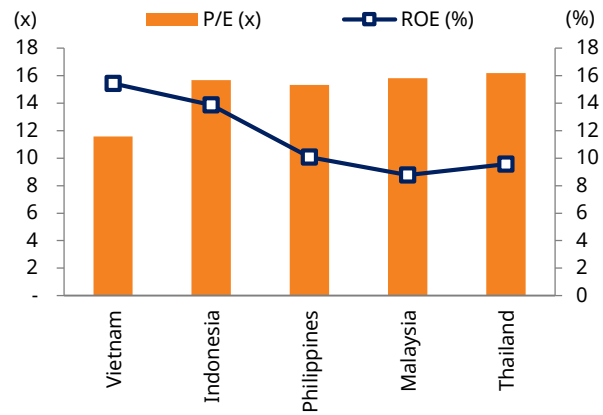
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



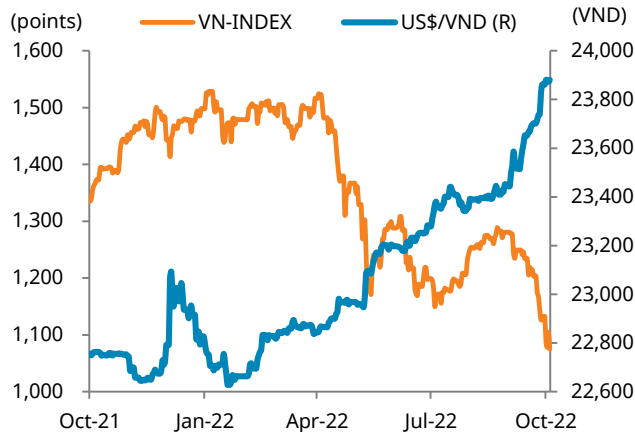
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



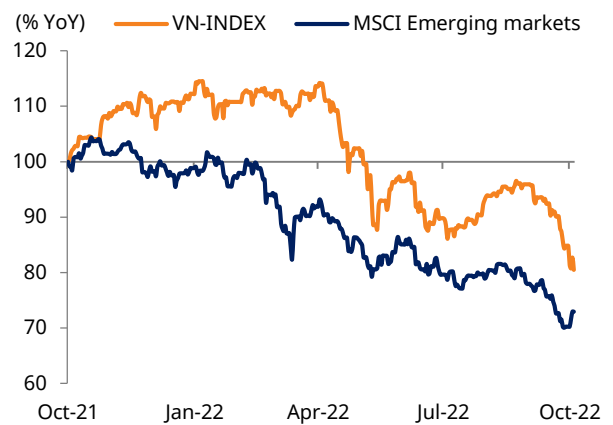
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



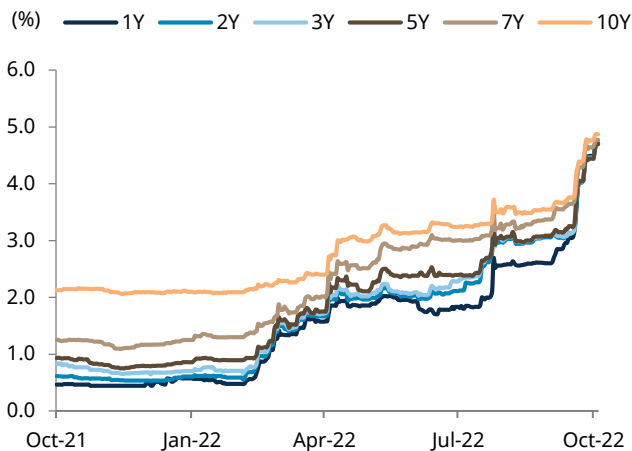
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



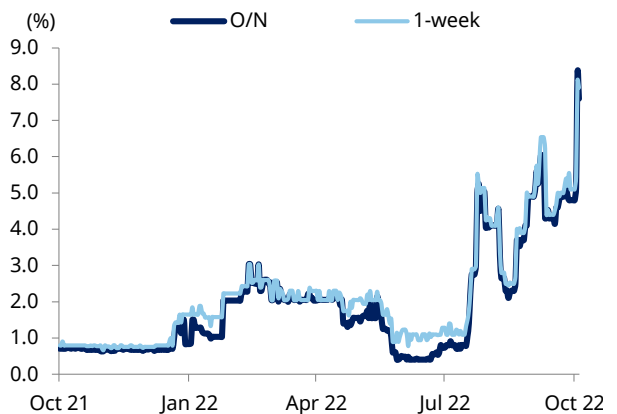
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,074.52	4,393,669		-2.7	-4.6	-15.9	-21.2	17.3	10.2	2.6	1.7	35.2	22.3	15.5	18.9
VN30 Index	VN30	1,081.36	3,056,902		-3.2	-5.8	-16.8	-26.0	14.4	8.7	2.8	1.6	38.5	16.4	19.6	20.7
Asia Commercial Bank	ACB VN	20,000	67,549	30.0	-3.8	-9.1	-18.9	-20.3	9.6	5.2	2.2	1.2	24.6	38.0	23.5	25.1
BIDV	BID VN	31,000	156,814	16.9	-2.5	-7.5	-22.6	-1.0	19.1	11.2	2.3	1.6	50.3	60.1	11.0	16.9
Bao Viet Holdings	BVH VN	48,900	36,300	26.4	-3.4	-8.6	-17.3	-19.8	22.9	17.1	2.0	#N/A	21.8	12.1	9.2	9.9
VietinBank	CTG VN	21,400	102,843	26.7	-2.7	-5.3	-24.2	-27.0	9.8	5.2	1.7	0.9	18.2	39.8	15.8	19.7
FPT Corp	FPT VN	76,500	83,923	49.0	-2.4	-0.6	-10.8	-2.8	20.9	15.7	5.0	3.9	21.5	34.6	23.4	28.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	106,900	204,601	3.0	-0.1	1.8	-8.2	-5.8	21.8	14.4	3.7	3.5	8.1	70.0	16.8	24.7
Vietnam Rubber Group	GVR VN	17,800	71,200	0.5	-6.8	-14.8	-31.3	-53.0	45.6	17.3	3.0	#N/A	10.3	-1.2	8.7	8.5
HDBank	HDB VN	18,150	45,652	14.5	-1.9	-5.2	-15.0	-6.4	11.0	5.6	2.2	#N/A	42.5	32.2	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	18,000	104,666	21.0	-6.3	-16.9	-23.6	-58.3	6.6	4.2	2.5	0.9	151.5	-22.5	42.8	23.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	26,250	18,817	29.4	-4.5	-9.3	-27.5	-31.3	27.5	13.2	3.4	1.6	3.1	22.1	12.2	13.0
MBBank	MBB VN	18,100	82,065	23.2	-5.7	-8.6	-23.5	-21.0	9.8	4.6	1.9	1.0	53.0	39.7	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	86,700	123,437	28.9	-5.1	-13.3	-24.6	-26.8	99.2	21.9	9.4	3.2	589.7	-34.6	35.1	15.1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	58,000	84,886	49.0	-6.8	-9.4	-20.4	-9.6	22.2	15.1	5.2	2.9	18.2	11.6	27.3	24.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	80,200	156,377	5.5	-2.2	-5.4	-2.3	0.1	2282.8	27.7	5.1	3.9	-18.7	59.0	10.6	14.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	50,800	34,120	2.6	-1.0	0.0	-7.6	-17.9	29.4	#N/A	7.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	32,200	40,913	17.4	-2.4	-6.3	-22.4	-40.3	21.0	21.4	2.8	1.6	160.6	-15.8	9.7	5.8
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	20,750	43,734	20.5	-3.3	-6.3	-15.7	-18.8	13.1	5.3	3.3	1.3	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	11,400	26,697	2.7	-5.8	-9.2	-20.3	-11.3	15.4	15.5	1.4	0.9	-24.2	-2.8	6.2	6.0
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	185,800	119,150	62.8	-1.7	1.6	-1.5	17.3	26.5	23.7	4.6	4.9	-22.9	42.3	17.1	22.3
SSI Securities Corp	SSI VN	17,400	25,911	34.5	-6.7	-9.8	-26.7	-53.7	23.9	10.4	4.3	#N/A	100.3	-31.6	21.0	15.2
Sacombank	STB VN	18,000	33,934	21.6	-6.5	-8.6	-27.1	-29.4	17.0	8.0	1.8	0.9	30.6	38.9	9.5	11.9
Techcombank	TCB VN	29,300	103,055	22.5	-3.9	-11.2	-24.2	-41.7	10.1	4.7	2.0	0.9	46.1	20.6	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	24,000	37,962	30.0	0.0	-2.8	-14.3	-23.4	12.5	6.2	2.6	1.2	28.5	20.3	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	70,100	331,749	23.5	-2.0	-5.3	-15.2	-6.4	17.6	11.9	3.4	2.4	19.7	40.1	19.6	21.9
Vinhomes JSC	VHM VN	53,600	233,394	23.1	-0.4	5.5	-12.3	-33.4	12.0	7.6	3.1	1.6	40.9	-21.4	36.9	22.2
Vingroup JSC	VIC VN	60,100	229,218	12.2	0.2	10.1	-5.1	-32.2	#N/A	26.0	3.6	2.1	-145.6	437.5	-2.8	8.8
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	114,200	61,852	16.2	-0.7	3.7	-4.6	-11.7	#N/A	48.3	4.1	#N/A	6.1	1,602.2	0.5	7.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	70,000	146,297	54.9	-2.2	-3.7	-10.0	-21.6	19.1	16.5	5.8	4.3	-5.3	-5.9	29.3	27.1
VPBank	VPB VN	16,500	110,768	11.8	-2.9	-8.3	-21.2	-27.7	12.9	6.0	2.6	0.7	11.6	56.3	17.9	20.2
Vincom Retail JSC	VRE VN	26,500	60,216	32.2	-1.9	-2.6	-5.5	-9.9	31.6	24.7	2.2	1.9	-44.8	85.9	4.4	7.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.